

CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ VHR
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ VHR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VHR TECHNOLOGY SOLUTIONS
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VHR TECHNOLOGY SOLUTIONS CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110669403

3. Ngày thành lập: 01/04/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 15B, ngõ 342 đường Khương Đình, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành
phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0911461985

Fax:

Email: info.vhrcompany@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
4.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
5.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
6.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ thiết bị y tế)	4659
8.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng)	4662
9.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu - Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa - Ủy khác mua bán hàng hóa - ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
11.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000

12.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
13.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
14.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
15.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
16.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
17.	Lập trình máy vi tính	6201
18.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
19.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
20.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
21.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
22.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
23.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
24.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
25.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
26.	Quảng cáo (trừ quảng cáo sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa bị cấm)	7310
27.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
28.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ	7490
29.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621(Chính)
30.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
31.	In ấn	1811
32.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
33.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
34.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất đồ nhựa cho xây dựng như: Cửa nhựa, cửa sổ, khung, màn, rèm, ván chân tường, bể hồ chứa nhân tạo, sàn tường hoặc tấm phủ trần dạng cuộn hoặc dạng tấm, đồ thiết bị vệ sinh bằng nhựa như bể bơi plastic, vòi tắm, chậu tắm, chậu rửa mặt.	2220
35.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
36.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
37.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

38.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn - Sản xuất các chi tiết kim loại cho giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	2599
39.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
40.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
41.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
42.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
43.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
44.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
45.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
46.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
47.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
48.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
49.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô	4933
50.	Xuất bản phần mềm	5820
51.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
52.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
53.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
54.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
55.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
56.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
57.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
58.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
59.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
60.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
61.	Thu gom rác thải độc hại	3812
62.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
63.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
64.	Tái chế phế liệu	3830
65.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
66.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
67.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
68.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

